

Bản án số: 31/2017/DSPT

Ngày: 07/9/2017

*“V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con
và chia tài sản chung”.*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Tân

Các Thẩm phán:

Bà Huỳnh Thị Kiều Duyên;

Bà Phạm Thị Hồng Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Bích Trâm - Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Lữ Thị Tuyết Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2017/TLPT-DS, ngày 24 tháng 7 năm 2017 về *“Tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung”*.

Do Bản án Hôn nhân sơ thẩm số: 39/2017/HNGĐ-ST, ngày 13 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 42/2017/QĐ-PT, ngày 22 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm: 1985

Nơi tạm trú: số nhà 473, ấp Bình An, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: bà Hồ Thị Xuân H là luật sư của Văn phòng luật sư Hồ Xuân Hương, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* ông Huỳnh Văn K, sinh năm: 1984

Nơi cư trú: số nhà 60/12B, đường Mậu Thân, khóm 3, phường 3, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Kiêm V, sinh năm 1964.

Địa chỉ: số nhà 60/12B, đường Mậu Thân, khóm 3, phường 3, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bà V là ông Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1983. Theo văn bản ủy quyền ngày 06/9/2017.

Nơi cư trú: Q2, Trần Phú, phường 4, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

4. Người kháng cáo: bị đơn Huỳnh Văn Ki, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Kiêm V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy H trình bày:

Chị và anh Huỳnh Văn Kquen nhau rồi kết hôn có đăng ký kết hôn vào ngày 01/9/2006 tại Ủy ban nhân dân xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp, thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó chị nghi ngờ anh K có quan hệ với người phụ nữ khác nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi đến mức chị và anh K ly thân không sống chung với nhau, xét thấy không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn.

Vợ chồng có 02 con chung: Huỳnh Thị Kim A sinh 13/8/2006 hiện đang sống chung với anh K, Huỳnh Nguyên P sinh 19/01/2012 hiện đang sống chung với chị, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P đến đủ 18 tuổi, đồng ý để anh K trực tiếp nuôi dưỡng cháu A đến đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung vợ chồng gồm: 02 thửa đất số 1021 và số 1028 cùng tờ bản đồ 13, tọa lạc khóm 3, phường 3, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long nhận chuyển nhượng năm 2012 bằng tiền dành dụm của vợ chồng, 02 xe mô tô biển số 64K5 9927, 64C1 12769 và các vật dụng trong nhà gồm: tivi hiệu Toshiba, tủ lạnh hiệu Sanyo, máy giặt hiệu Sanyo. Chị H yêu cầu được quyền sử dụng thửa đất 1021, giao anh K quyền sử dụng thửa 1028, chị hoàn tiền chênh lệch cho anh K theo giá 2.000.000 đồng/m², đổi với xe mô tô và các vật dụng trong nhà chị rút lại yêu cầu Tòa án giải quyết, để chị và anh K tự thỏa thuận phân chia, vợ chồng không có nợ chung.

Bị đơn anh Huỳnh Văn K trình bày:

Ngày tháng năm kết hôn và con chung như chị H trình bày là đúng, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không phù hợp tính tình không phải do anh có người phụ nữ khác bên ngoài, nay anh cũng đồng ý ly hôn với chị H, về con chung anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A, chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu P không ai cấp dưỡng nuôi con lẫn nhau, tài sản chung có 02 xe mô tô và vật dụng trong nhà như chị H trình bày là đúng, anh và chị H tự phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết, vợ chồng không có nợ chung.

Đối với việc chị H trình bày vợ chồng có 02 thửa đất 1021 và 1028 là không đúng, vì 02 thửa đất này là của bà Nguyễn Thị Kiêm V (mẹ ruột anh) nhờ anh đứng tên dùm, để xác định 02 thửa đất trên là tài sản của bà V không phải tài sản của anh thì giữa anh với bà V có đến Văn phòng công chứng Thanh Thanh lập văn bản thỏa thuận về vấn đề này, ngoài ra người chuyển nhượng 02 thửa đất cho bà V là vợ chồng ông Nguyễn Thành T và bà Huỳnh Thị Ng cũng có văn bản xác nhận rằng họ

chuyển nhượng đất cho bà V và nhận tiền từ bà Vàng; do đó, anh không đồng ý chia cho chị H quyền sử dụng thửa đất 1021, nay anh giao trả quyền sử dụng 02 thửa đất này lại cho bà V.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan bà Nguyễn Thị Kiêm V có người đại diện hợp pháp của bà V trình bày: tháng 6/2011 bà V có nhận chuyển nhượng của bà Huỳnh Thị Ng thửa đất 1028 với giá 20.000.000 đồng, tháng 07/2012 bà nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Thành T thửa đất 1021 với giá 22.000.000 đồng, tuy nhiên do muốn che giấu việc có nhiều tài sản nên bà nhờ con trai Huỳnh Văn K đứng ra ký hợp đồng chuyển nhượng và đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhằm để xác định 02 thửa đất trên là của bà không phải của anh K thì giữa bà với anh K có đến Văn phòng công chứng lập văn bản xác nhận việc anh K đứng tên dùm, căn cứ để chứng minh cho việc bà V là người nhận chuyển nhượng 02 thửa đất và trả tiền cho chủ đất là tại Điều 2 của các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và 02 bản tự khai cùng ngày 09/6/2014 của ông T, bà Ng, nay bà V không đồng ý việc chị H cho rằng 02 thửa đất trên là tài sản chung của vợ chồng H - K, bà V yêu cầu anh K giao trả quyền sử dụng 02 thửa đất lại cho bà và yêu cầu Tòa án công nhận cho bà được quyền sử dụng 02 thửa đất trên.

Vụ án đã được Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm ngày 24/9/2015 sau đó có kháng cáo nên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm, tại bản án phúc thẩm số: 06/2016/HNPT ngày 04/3/2016 đã quyết định hủy toàn bộ bản án sơ thẩm giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử lại sơ thẩm, lý do: có vi phạm thủ tục tố tụng và sai sót nội dung.

Tại Bản án Hôn nhân sơ thẩm số 39/2017/HNGĐ-ST ngày 13/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long đã xử:

Áp dụng: các Điều 24, 25, 26, 33, 55, 59, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, các Điều 5, 147, 165, 244, 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 15, 107 của Luật đất đai năm 2013, Điều 27 pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27/2/2009 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thúy H với anh Huỳnh Văn K.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Công nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị Thúy H với anh Huỳnh Văn K, về việc: chị H được tiếp tục nuôi dưỡng Huỳnh Nguyên P, sinh ngày 19/01/2012 cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi, anh K được tiếp tục nuôi dưỡng Huỳnh Thị Kim A, sinh ngày 13/8/2006 cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi, chị H và anh K không cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Chị H có quyền, nghĩa vụ đến thăm cháu A; anh K có quyền, nghĩa vụ đến thăm cháu P không ai được ngăn cản, nhưng không được lạm dụng việc thăm con,

để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con lẫn nhau.

3. Về tài sản:

3.1. Công nhận cho chị Nguyễn Thị Thúy H được quyền sử dụng thửa đất 1021, diện tích 136,4m², loại đất trồng cây lâu năm, thuộc tờ bản đồ số 13, khóm 3, phường 3, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, vị trí, tứ cận theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 13/10/2014 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Vĩnh Long (kèm theo), chị H có nghĩa vụ hoàn giá trị chênh lệch cho anh Huỳnh Văn K bằng số tiền 24.200.000 đồng (Hai mươi bốn triệu hai trăm ngàn đồng).

3.2. Công nhận sự tự nguyện của anh Huỳnh Văn K về việc giao cho bà Nguyễn Thị Kiêm V được quyền sử dụng thửa đất 1028, diện tích 112,2m², loại đất trồng cây lâu năm, thuộc tờ bản đồ số 13, khóm 3, phường 3, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, vị trí, tứ cận theo trích đo bản đồ địa khu đất ngày 13/10/2014 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Vĩnh Long (kèm theo).

3.3. Chị Nguyễn Thị Thúy H và bà Nguyễn Thị Kiêm V có nghĩa vụ đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

3.4 Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kiêm V về việc đòi được quyền sử dụng thửa đất 1021, tờ bản đồ số 13, khóm 3, phường 3, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

3.5. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thúy H về việc phân chia tài sản gồm: Xe mô tô biển số 64K5 9927, xe mô tô biển số 64C1 12769, tivi hiệu Toshiba, tủ lạnh hiệu Sanyo và máy giặt hiệu Sanyo, chị H được quyền khởi kiện lại để yêu cầu phân chia những tài sản này khi thấy cần thiết.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nợ chung, chi phí đo đạc, định giá, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 27/6/2017 bị đơn Huỳnh Văn K và người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan bà Nguyễn Thị Kiêm V có đơn kháng cáo với nội dung: đề nghị cấp phúc thẩm bác yêu cầu của Nguyễn Thị Thúy H, về việc yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất tại thửa 1021, tờ bản đồ số 13, diện tích 136,4m², tọa lạc tại khóm 3, phường 3, thành phố Vĩnh Long và xác nhận quyền sử dụng 02 thửa đất 1021 và 1028 là tài sản của bà Nguyễn Thị Kiêm V.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn Huỳnh Văn K trình bày: hai thửa đất số 1021 và 1028 anh chỉ đứng tên dùm cho mẹ anh là bà Nguyễn Thị Kiêm V, nên anh yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo giao 2 thửa đất này trả lại cho mẹ anh là bà V.

Nguyên đơn Nguyễn Thị Thúy H yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: ở cấp phúc thẩm phía bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có cung

cấp tài liệu, chứng cứ mới. Và lại nhận định của cấp sơ thẩm đã đầy đủ, chính xác do đó đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan bà Nguyễn Thị Kiêm V có anh Nguyễn Tấn Đ trình bày: hai thửa đất số 1021 và 1028 do bà V chuyển nhượng từ ông Tài và bà Nguyễn, nên yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà để sửa án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nêu quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn kháng cáo và đã nộp tạm ứng án phí trong hạn luật định, nên được chấp nhận xét xử theo trình tự phúc thẩm.

+ Về nội dung: kháng cáo của anh K và bà V không có cơ sở bởi vì: Thửa đất số 1028 có nguồn gốc của bà Huỳnh Thị Ng chuyển nhượng cho anh Huỳnh Văn K ngày 15/6/2011, và thửa đất số 1021 có nguồn gốc của ông Nguyễn Thành T chuyển nhượng cho anh K vào ngày 25/7/2012, hai thửa này anh K được Ủy ban cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy bà Văng cho rằng hai thửa đất này là do bà nhận chuyển nhượng anh K đứng tên dùm bà là không đúng. Hơn nữa, hai văn bản thỏa thuận đứng tên dùm vào ngày 22/6/2011 và ngày 25/7/2012 lập tại phòng Công chứng Thanh Thanh không có sự đồng ý của chị Thúy H, chị H không chấp nhận có sự thỏa thuận này. Theo quy định tại khoản 16 Điều 3 Luật đất đai năm 2013 thì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là chứng thư pháp lý để nhà nước xác nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất hợp pháp của người có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất. Do đó, vì hai thửa đất này hình thành trong thời kỳ hôn nhân, anh K không có chứng cứ chứng minh là tài sản riêng của anh nên theo quy định tại Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 thì đây là tài sản chung anh K và chị H. Mặt khác từ khi anh K được cấp giấy chứng nhận hai thửa đất này thì chị H là người cất giữ hai giấy vì vậy có căn cứ xác định thửa đất 1021 và 1028 là tài sản chung của anh K và chị H, không phải là tài sản của bà V. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của anh K và bà V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân và con chung các đương sự đều không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên cấp phúc thẩm không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật.

[2] Về tài sản:

Anh Huỳnh Văn K và bà Nguyễn Thị Kiêm V trình bày 02 thửa đất số 1021 và số 1028 do bà Kiêm V mua của ông Nguyễn Thành T, mua của bà Huỳnh Thị Ng nhờ anh K đứng tên, nên yêu cầu công nhận quyền sử dụng 02 thửa đất 1021 và 1028 là tài sản của bà Nguyễn Thị Kiêm V do anh K đứng tên dùm.

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã thể hiện: thửa đất số 1021 do anh Huỳnh Văn K đứng tên, được cấp

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 07/11/2012 nguồn gốc đất do nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Thành T với giá 22.000.000đ; thửa đất số 1028 do anh Huỳnh Văn K đứng tên, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 03/8/2011 nguồn gốc đất do nhận chuyển nhượng của bà Huỳnh Thị Ng với giá 20.000.000đ. Hai thửa đất này, có được trong giai đoạn quan hệ vợ chồng giữa anh K và chị Thúy H vẫn tồn tại; mặc dù, anh K và bà V cho rằng người chuyển nhượng hai thửa đất nêu trên là bà V nhưng bà V nhờ anh K đứng tên dùm và anh K có làm văn bản thỏa thuận ngày 22/6/2011 và 25/7/2012 nội dung xác nhận: 02 thửa đất là tài sản của bà V, anh K chỉ đứng tên dùm, chị Thúy H trình bày không biết, thể hiện trên 02 văn bản thỏa thuận giữa bà Kiêm V với anh K không có chữ ký tên hay văn bản nào xác định chị Thúy H biết được anh K đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất dùm cho bà Kiêm V; vì vậy, phải xác định 02 thửa đất số 1021 và số 1028 trên là tài sản chung vợ chồng của anh K và chị Thúy H.

Tuy nhiên, việc chị Thúy H cho rằng 02 thửa đất số 1021 và số 1028 cùng tờ bản đồ 13, tọa lạc khóm 3, phường 3, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long nhận chuyển nhượng các năm 2011 và 2012 bằng tiền dành dụm của vợ chồng là chưa có cơ sở; bởi lẽ bà V cho rằng bà nhận chuyển nhượng đất của bà Huỳnh Thị Ng và ông Nguyễn Thành T và bà trực tiếp giao tiền cho bà Nguyên và ông Tài, bà cho rằng do tin tưởng nên giao tiền không có làm biên nhận. Phía ông Nguyễn Thành T và bà Huỳnh Thị Ng có bản tự khai cùng đề ngày 09/6/2016 (BL 63,65) với cùng nội dung xác nhận bà Vàng là người thỏa thuận mua đất và trả tiền, văn bản có chứng thực chữ ký của ông Tài, bà Nguyên. Mặc dù, nguồn tiền chuyển nhượng 02 thửa đất này của bà Kiêm V nhưng đã cho anh K thể hiện là anh K đã đứng tên trên 02 thửa đất nói trên; như phân tích trên vẫn xác định là tài sản chung của anh K và chị Thúy H, nhưng khi phân chia thì xét thấy nguồn tài sản có được do mẹ của anh K tặng cho nên chia cho anh K nhiều hơn; đồng thời, cũng xét chị Thúy H đang nuôi con nhỏ. Sau khi xem xét thì chia cho anh K thửa đất 1021, diện tích 136,4m², chị Thúy H được chia thửa đất số 1028, diện tích 112,2m², các bên không phải hoàn trả phần chênh lệch do nhận tài sản nhiều hơn.

Cả nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất giá đất là 2.000.000 đồng/m²

Do đó, chấp nhận một phần kháng cáo của anh K và bà V để sửa một phần bản án sơ thẩm về chia tài sản chung.

[3] Về chi phí tố tụng và án phí:

- Về chi phí đo đạc, định giá của cấp sơ thẩm giữ nguyên:

+ Buộc chị Nguyễn Thị Thúy H chịu 3.134.000 đồng (Ba triệu một trăm ba mươi bốn ngàn đồng) tiền chi phí đo đạc, định giá, thẩm định giá, chị H đã nộp đủ.

+ Buộc anh Huỳnh Văn K hoàn trả chị Nguyễn Thị Thúy H 1.134.000 đồng (Một triệu một trăm ba mươi bốn ngàn đồng) tiền chi phí đo đạc, định giá.

- Về án phí:

+ Án phí dân sự sơ thẩm:

Do sửa một phần bản án sơ thẩm nên tính lại án phí dân sự sơ thẩm.

Cụ thể, cả nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất giá đất là 2.000.000 đồng/m²; như vậy, chị Thúy H được chia 112,2m² X 2.000.000 đồng thành tiền 224.400.000 đồng, nên phải chịu án phí có giá ngạch 5% với số tiền 11.220.000 đồng (Mười một triệu, hai trăm hai chục ngàn đồng); anh K được chia 136,4m² X 2.000.000 đồng thành tiền 272.800.000 đồng, nên phải chịu án phí có giá ngạch 5% với số tiền 13.640.000 đồng (Mười ba triệu, sáu trăm bốn chục ngàn đồng).

+ Án phí dân sự phúc thẩm:

Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên anh K và bà V không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm, nên hoàn trả lại cho bà Kiêm V và anh K tiền tạm ứng án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Huỳnh Văn K và bà Nguyễn Thị Kiêm V.

Tuyên sửa bản án Hôn nhân sơ thẩm số 39/2017/HNGĐ-ST ngày 13/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Áp dụng: Các Điều 24, 25, 26, 33, 55, 59, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, các Điều 5, 147, 148, 165, 244, 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 15, 107 của Luật đất đai năm 2013, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về tài sản:

1. Công nhận cho chị Nguyễn Thị Thúy H được quyền sử dụng thửa đất số 1028, diện tích 112,2m², loại đất trồng cây lâu năm, thuộc tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại khóm 3, phường 3, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, vị trí, tứ cận theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 13/10/2014 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Vĩnh Long (kèm theo).

2. Công nhận sự tự nguyện của anh Huỳnh Văn K về việc giao cho bà Nguyễn Thị Kiêm V được quyền sử dụng thửa đất 1021, diện tích 136,4m², loại đất trồng cây lâu năm, thuộc tờ bản đồ số 13, khóm 3, phường 3, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, vị trí, tứ cận theo trích đo bản đồ địa khu đất ngày 13/10/2014 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Vĩnh Long (kèm theo).

3. Chị Nguyễn Thị Thúy H và bà Nguyễn Thị Kiêm V có nghĩa vụ đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

4. Về chi phí tố tụng và án phí:

4.1. Chi phí đo đạc và định giá:

4.1.1. Buộc chị Nguyễn Thị Thúy H chịu 3.134.000 đồng (ba triệu một trăm ba mươi bốn ngàn đồng) tiền chi phí đo đạc, định giá, thẩm định giá, chị Hồng đã nộp đủ.

4.1.2. Buộc anh Huỳnh Văn K hoàn trả chị Nguyễn Thị Thúy H 1.134.000 đồng (một triệu một trăm ba mươi bốn ngàn đồng) tiền chi phí đo đạc, định giá.

4.2. Về án phí:

4.2.1. Buộc chị Nguyễn Thị Thúy H chịu số tiền 11.220.000 đồng (Mười một triệu, hai trăm hai chục ngàn đồng) chia tài sản chung và 200.000 đồng tiền án phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 739.000 đồng nộp ngày 08/4/2014 biên lai thu số 016683 và 1.500.000 nộp ngày 06/5/2014 biên lai thu số 016701 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long, chị H còn phải nộp thêm 9.181.000 đồng (Chín triệu một trăm tám mươi một ngàn).

4.2.2. Buộc anh Huỳnh Văn K chịu 13.640.000 đồng (Mười ba triệu, sáu trăm bốn chục ngàn đồng) tiền án phí chia tài sản chung.

4.2.3. Buộc bà Nguyễn Thị Kiêm V chịu 200.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 200.000 đồng nộp ngày 16/6/2016 biên lai thu số 0001767 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long, bà Vàng đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4.2.4. Hoàn trả cho anh Huỳnh Văn K số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo lai thu số 0002720 ngày 27/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long xong.

4.2.5. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Kiêm V số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo lai thu số 0002710 ngày 27/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long xong.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TANDCC: 01;
- VKSVL: 02;
- TNV: 01;
- TAND+VKS TPVL: 02;
- Chi cục THADS TPVL: 02;
- Đ/s: 03;
- Lưu hồ sơ: 04.

Lê Thành Tân